TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 - HÀ NỘI** ----------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------
Số: **251**/2026/QĐST-HNGĐ	*Hà Nội, ngày 17 tháng 3 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 – HÀ NỘI

Căn cứ khoản 2 Điều 29, Điều 39, khoản 2 Điều 149, Điều 212, Điều 213, Điều 361, Điều 371, Điều 396 và Điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 55, 57, 58, 59, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân và gia đình thụ lý số 213/2026/TL-HNGĐ ngày 09/032/2026 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", giữa:

* Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh **Lê Minh A**, sinh năm 1976

Nơi cư trú: Số 46 B, phường H, thành phố Hà Nội.

- Chị **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1984

HKTT: Số 46 B, phường H, thành phố Hà Nội. Nơi ở hiện nay: Số 23 tổ 35 phường L, thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Anh Lê Minh A và chị Nguyễn Thị N kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 26 tháng 04 năm 2006 (số 20, quyển số 01/2006) tại Uỷ ban nhân dân phường H1, quận H, Hà Nội nay là phường H, thành phố Hà Nội. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống anh chị không hạnh phúc, phát sinh mâu thuẫn không thể hòa giải. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, tính tình, cách sống không phù hợp, không có tiếng nói chung. Anh chị đã sống ly thân từ năm 2014 cho đến nay. Anh chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên anh chị cùng đề nghị Toà án công nhận thuận tình ly hôn để ổn định cuộc sống.

[2] Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải đoàn tụ không thành và ghi nhận sự tự nguyện ly hôn ngày 09 tháng 3 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của Luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Minh A và chị Nguyễn Thị N thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Lê Nguyệt M, sinh ngày 11/3/2007 và cháu Lê Quốc Đ, sinh ngày 07/12/2010. Anh chị thoả thuận sau khi ly hôn, anh Lê Minh A là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đại. Việc cấp dưỡng nuôi con cháu Đ, anh chị tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Cháu M đã đủ 18 tuổi, có sức khoẻ, có khả năng lao động nên anh chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với chị N cho đến khi cháu Đại đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Chị N có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

2. Về lệ phí việc Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị N tự nguyện chịu cả 300.000 đồng lệ phí, được trừ vào 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng lệ phí chị N đã nộp theo Biên lai số 0005393 ngày 09/3/2026 tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 1 – Hà Nội. Nay chuyển thành án phí

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND KV1 - HN;
- Phòng THADS KV1 - HN;
- UBND nơi ĐKKH;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trương Thị Thu Hương